

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội.
 - Mã chứng khoán: NHA.
 - Địa chỉ trụ sở: Cụm công nghiệp Cầu Giát, xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.
 - Điện thoại: 02263.847.756 Fax: 02263.866.689
 - Email: dothinamhanoi@gmail.com

2. Nội dung của thông tin công bố:

Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội công bố thông tin Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội số: 2002/2021/BCTC-KTV/HN ngày 23 tháng 02 năm 2021 bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị Nam Hà Nội vào ngày 24/02/2021 tại đường dẫn: <http://namhanoi.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm**

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;
- Bản giải trình chênh lệch LNST so với cùng kỳ năm trước.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Thái

**TÔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ
VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ
VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

24
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Minh Hoàn	Chủ tịch (tái bổ nhiệm ngày 15/6/2020)
Ông Nguyễn Hồng Thái	Thành viên
Ông Đặng Văn Lành	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Cù Đức Ngọc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Thái	Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 27/8/2020)
Ông Phạm Ngọc Duyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Đặng Thị Thu Phương	Trưởng ban (tái bổ nhiệm ngày 15/6/2020)
Ông Vũ Văn Đồng	Thành viên
Ông Mai Thanh Trọng	Thành viên

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hồng Thái, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phân đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, xã Chuyên Ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Nguyễn Hồng Thái

Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2021

Số: 202/2021/BCTC-KTV/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23/02/2021, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2021

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn
Đất Việt tại Hà Nội****NGUYỄN THÀNH NAM - Phó Giám đốc**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3528-2021-037-1**VŨ TRƯỜNG GIANG - Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4145-2017-037-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.919.721.583	123.864.778.091
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	270.754.680	31.350.937.343
1. Tiền	111		270.754.680	31.350.937.343
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.8a	13.000.000.000	24.603.900.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.000.000.000	24.603.900.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		66.106.594.410	59.587.750.746
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	53.409.350.009	28.321.242.088
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.503.620.648	4.059.505.658
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	8.193.623.753	27.207.003.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	39.661.863.714	8.322.190.002
1. Hàng tồn kho	141		39.661.863.714	8.322.190.002
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		880.508.779	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		880.508.779	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.604.061.117	145.256.469.727
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	20.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.3b	-	20.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		77.126.595.025	79.361.965.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	77.126.595.025	79.361.965.701
- Nguyên giá	222		121.009.394.995	116.526.588.146
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.882.799.970)	(37.164.622.445)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		111.912.303.943	34.894.504.026
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	111.912.303.943	34.894.504.026
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8b	8.238.868.392	11.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.000.000.000	11.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.761.131.608)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		326.293.757	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	326.293.757	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		317.523.782.700	269.121.247.818

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.284.283.803	22.566.481.667
I. Nợ ngắn hạn	310		35.284.283.803	22.566.481.667
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	25.372.746.087	823.713.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	5.911.537.716	17.742.768.320
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	4.000.000.000	4.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		282.239.498.897	246.554.766.151
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	282.239.498.897	246.554.766.151
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		241.449.650.000	174.596.490.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		241.449.650.000	174.596.490.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.789.848.897	71.958.276.151
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		4.769.116.151	3.642.356.603
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.020.732.746	68.315.919.548
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		317.523.782.700	269.121.247.818



Nguyễn Hồng Thái
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2021

Tạ Ngọc Nhật
 Kế toán trưởng

Tạ Ngọc Nhật
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	161.566.894.093	170.012.038.842
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	161.566.894.093	170.012.038.842
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	111.432.328.729	76.083.133.869
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.134.565.364	93.928.904.973
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	1.727.130.603	919.705.805
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	1.998.939.810	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		237.808.202	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.5	8.749.207.265	9.114.910.658
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.113.548.892	85.733.700.120
11. Thu nhập khác	31		1.089.435.000	-
12. Chi phí khác	32		80.091.580	73.103.033
13. Lợi nhuận khác	40	VL.6	1.009.343.420	(73.103.033)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42.122.892.312	85.660.597.087
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.7	6.102.159.566	17.344.677.539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.020.732.746	68.315.919.548
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.8	1.492	2.829
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.8	1.492	2.829



Nguyễn Hồng Thái
 Tổng Giám đốc
 Ngày 23 tháng 02 năm 2021

Tạ Ngọc Nhật
 Kế toán trưởng

Tạ Ngọc Nhật
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		42.122.892.312	85.660.597.087
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.989.855.981	6.570.330.422
- Các khoản dự phòng	03		1.761.131.608	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.711.760.271)	(915.725.530)
- Chi phí lãi vay	06		237.808.202	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		49.399.927.832	91.315.201.979
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.704.613.310	(53.051.163.523)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(95.019.399.324)	21.047.070.637
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		23.661.432.897	2.895.262.836
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(326.293.757)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(237.808.202)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.381.790.327)	(7.076.360.621)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.199.317.571)	55.130.011.308
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.147.929.942)	(1.020.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		40.000.000	13.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.609.865.603)	(24.603.900.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		38.213.765.603	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.623.164.850	610.805.805
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.880.865.092)	(24.999.457.831)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền thu từ đi vay	33		25.000.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(31.080.182.663)	30.130.553.477
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		31.350.937.343	1.220.383.866
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	270.754.680	31.350.937.343



Nguyễn Hồng Thái
 Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2021

Tạ Ngọc Nhất
 Kế toán trưởng

Tạ Ngọc Nhất
 Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội (gọi tắt là "Tổng Công ty") thành lập theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0700222689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 11 năm 2007 trên cơ sở chuyển đổi tên gọi từ Công ty Cổ phần Thành Mỹ. Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9, ngày 06/10/2020.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 24.144.965 cổ phiếu niêm yết tương ứng 241.449.650.000 VND, với mã chứng khoán là NHA và chuyển sang niêm yết tại sàn giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh từ ngày 21/01/2021.

• Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tập Công nghiệp Cầu Giát, xã Chuyên ngoại, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Điện thoại : 0226.3847756
Fax : 0226.3866689
Mã số thuế : 0700222689

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là kinh doanh bất động sản, xây dựng dân dụng và công nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Xây dựng công trình: Dân dụng (xây dựng nhà ở, công trình văn hóa, thể thao, siêu thị ...); Công nghiệp; Giao thông (cầu, đường, công ...); Thủy lợi, xây dựng các công trình điện lực (đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35Kv trở xuống); Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, đô thị và dân cư (4100, 42102, 4290); San lấp và chuẩn bị mặt bằng (431); Khai thác đá, đất, cát, sỏi (0810); Chế biến đá; Mua bán vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi ...) (46632, 46633); Mua bán hàng trang trí nội ngoại thất (46636); Mua bán sắt thép (46622); Mua bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (46639); Kinh doanh: xăng, dầu, gas, khí hóa lỏng (46613); Mua bán đá mỹ nghệ; Sản xuất sản phẩm từ bê tông, sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép và cấu kiện bê tông khác (23950); Vận tải hàng hóa bằng đường thủy (5022) và đường bộ (4933); Sản xuất kinh doanh chế biến hàng lâm sản (1610, 162); Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình (77302); Kinh doanh bất động sản, kinh doanh siêu thị và cho thuê văn phòng (68100); Kinh doanh du lịch và các dịch vụ du lịch (7911, 7912, 7920); Kinh doanh khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, dịch vụ lưu trú ngắn ngày (5510); Mua bán hàng kim khí, điện máy, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) (46592); Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa; Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa (46101).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của đơn vị có thời gian dưới 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải thu về cho vay, phải thu khác, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, phải trả khác, vay và nợ thuế tài chính, giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chuyển đổi và cổ phiếu ưu đãi.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 45
Máy móc, thiết bị	06 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất do Công ty nắm giữ thông qua các dự án đầu tư nhằm mục đích để bán.

Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản nắm giữ chờ tăng giá. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy, thì nguyên giá của bất động sản đầu tư được ghi giảm tương ứng với tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Khi bất động sản đầu tư được bán, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN*****Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp:

- (a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành đo nhà thầu tự xác định vào ngày Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập. Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

16. Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng bao gồm toàn bộ chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất, nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- Các chi phí về đất và phát triển đất;
- Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;
- Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng...).

17. Thuế***Thuế thu nhập hiện hành***

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền mặt	18.051.710	-	4.314.885.016	-
- Tiền gửi ngân hàng	252.702.970	-	27.036.052.327	-
Cộng	270.754.680	-	31.350.937.343	-
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
	Cuối năm		Đầu năm	
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Duy Tiên	13.517.829.000	-	2.760.785.000	-
- UBND xã Châu Giang	8.854.032.000	-	3.488.318.000	-
- Công ty CP Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	6.732.793.000	-	12.355.781.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn 3	19.237.110.000	-	-	-
- Các khách hàng khác	5.067.586.009	-	9.716.358.088	-
Cộng	53.409.350.009	-	28.321.242.088	-

Trong đó phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty CP Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	6.732.793.000	-	12.355.781.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn 3	19.237.110.000	-	-	-

3. Phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	8.193.623.753	-	27.207.003.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	412.865.753	-	308.900.000	-
- Ủy thác đầu tư	-	-	22.000.000.000	-
- Phải thu khác (i)	7.780.758.000	-	4.898.103.000	-
b. Dài hạn	-	-	20.000.000.000	-
- Phải thu về hợp tác kinh doanh	-	-	20.000.000.000	-
Cộng	8.193.623.753	-	47.207.003.000	-

(i) Hỗ trợ kinh phí để chi trả tiền đền bù GPMB dự án: XD HTKT khu đấu giá QSD đất (VT1+2) xã Bạch Thượng theo tờ trình số 136/TTr – BQLDA của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Duy Tiên.

4. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.181.337.581	-	184.528.668	-
- Chi phí SXKD dở dang	38.480.526.133	-	8.137.661.334	-
Cộng	39.661.863.714	-	8.322.190.002	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****5. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	88.241.230.142	11.816.634.974	16.468.723.030	116.526.588.146
Mua trong năm	-	4.191.673.819	618.181.818	4.809.855.637
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(327.048.788)	(327.048.788)
Số dư cuối năm	88.241.230.142	16.008.308.793	16.759.856.060	121.009.394.995
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	18.883.041.701	6.426.461.825	11.855.118.919	37.164.622.445
Khấu hao trong năm	3.373.374.532	1.467.658.186	2.148.823.263	6.989.855.981
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(271.678.456)	(271.678.456)
Số dư cuối năm	22.256.416.233	7.894.120.011	13.732.263.726	43.882.799.970
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	69.358.188.441	5.390.173.149	4.613.604.111	79.361.965.701
Tại ngày cuối năm	65.984.813.909	8.114.188.782	3.027.592.334	77.126.595.025

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là: 1.721.374.975 VND.

6. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Khu đô thị mới Hòa Mạc	-	14.025.171.752
- Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà xưởng cho thuê tại xã Châu Giang, huyện Duy Tiên.	12.792.619.760	-
- Dự án ĐTXD tuyến đường nối từ nút giao ngã ba Hòa Mạc đến đường ĐH05 tại xã Yên Bắc và TT Hòa Mạc theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)	69.674.017.092	11.093.949.546
- Dự án Khu dân cư Mộc Bắc	22.985.385.273	6.305.620.000
- Dự án Tổ hợp Khách sạn TMDV và Siêu thị kết hợp với Văn phòng cho thuê tại KĐT Hòa Mạc	545.454.545	-
- Dự án Đầu tư xây dựng 05 tuyến đường trục chính thuộc QH khu vực trung tâm đô thị Duy Tiên theo hình thức Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)	5.914.827.273	3.469.762.728
Cộng	111.912.303.943	34.894.504.026

7. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	326.293.757	-
Cộng	326.293.757	-

TÓNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, xã Chuyên Ngoại,
thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****8. Các khoản đầu tư tài chính****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.000.000.000	13.000.000.000	24.603.900.000	24.603.900.000
Cộng	13.000.000.000	13.000.000.000	24.603.900.000	24.603.900.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP SHB Chi nhánh Hà Nam với lãi suất 7,2%/năm.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc
- Công ty Cổ phần Cảng Yên Lệnh	-	-	-	1.000.000.000
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam	10.000.000.000	(1.761.131.608)	(1.761.131.608)	10.000.000.000
Cộng	10.000.000.000	(1.761.131.608)	(1.761.131.608)	11.000.000.000

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2020. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các Công ty được góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đầu tư vào công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	KCN Đồng Văn III, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	10 %	10 %	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NHÀ VÀ ĐÔ THỊ NAM HÀ NỘI

Cụm Công nghiệp Cầu Giát, xã Chuyên Ngoại,
thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN****9. Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín CN Hà Nam	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-
Cộng	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH TM XD An Trường Giang	3.214.803.088	3.214.803.088	-	-
- Công ty CP Đầu tư DVTM Tân Thịnh	-	-	459.642.481	459.642.481
- Công ty CP Cơ điện & XD Quang Minh	-	-	198.664.551	198.664.551
- Công ty TNHH TM & DV số 9	3.223.704.000	3.223.704.000	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và TM DV An Phát	9.552.281.000	9.552.281.000	-	-
- Công ty TNHH TM Hà Hiếu	2.137.500.000	2.137.500.000	-	-
- Công ty TNHH Thanh Tuyên	2.081.512.500	2.081.512.500	-	-
- Các khách hàng khác	5.162.945.499	5.162.945.499	165.406.315	165.406.315
Cộng	25.372.746.087	25.372.746.087	823.713.347	823.713.347

Trong đó phải trả của khách hàng là các bên liên quan:

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty CP Cơ điện & XD Quang Minh	-	198.664.551

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	551.599.843	2.171.952.021	2.723.551.864	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.191.168.477	6.102.159.566	17.381.790.327	5.911.537.716
- Thuế thu nhập cá nhân	-	143.374.605	143.374.605	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	198.054.085	198.054.085	-
- Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	17.742.768.320	8.618.540.277	20.449.770.881	5.911.537.716

12. Phải trả khác ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Hợp tác liên doanh (*)	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	4.000.000.000	4.000.000.000

(*) Nhận tiền hợp đồng liên doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt theo hợp đồng số 01/HĐ - LD ngày 24 tháng 08 năm 2018 để thực hiện đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ Ngã ba Hòa Mạc đến QL38 mới theo hình thức BT, cụ thể:

- Thời hạn của liên doanh có hiệu lực từ ngày ký hợp đồng đến khi thanh lý hợp đồng giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và liên danh.
- Phân chia trách nhiệm và quyền hạn giữa các thành viên liên doanh:
 - + Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội thực hiện 60% giá trị dự án.
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện 40% giá trị dự án.
- + Trên cơ sở phần khối lượng được phân chia các bên phải chịu trách nhiệm tổ chức triển khai dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ của dự án và thực hiện đầy đủ các điều khoản trong hợp đồng giao nhận thầu được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và liên danh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
NĂM TRƯỚC			
Số dư đầu năm	150.515.250.000	27.723.596.603	178.238.846.603
Tăng vốn	24.081.240.000	-	24.081.240.000
Lãi trong năm	-	68.315.919.548	68.315.919.548
Phân phối lợi nhuận	-	(24.081.240.000)	(24.081.240.000)
Số dư cuối năm	174.596.490.000	71.958.276.151	246.554.766.151
NĂM NAY			
Số dư đầu năm	174.596.490.000	71.958.276.151	246.554.766.151
Tăng vốn	66.853.160.000	-	66.853.160.000
Lãi trong năm	-	36.020.732.746	36.020.732.746
Phân phối lợi nhuận	-	(66.853.160.000)	(66.853.160.000)
Thù lao hội đồng quản trị	-	(336.000.000)	(336.000.000)
Số dư cuối năm	241.449.650.000	40.789.848.897	282.239.498.897

(*) *Trà cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2020/NHA/NQ - ĐHDCĐ ngày 09/06/2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 06/2020/NQ-HDQT ngày 29/06/2020 V/v thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.*

13.2 Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.144.965	17.459.649
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.144.965	17.459.649
- Cổ phiếu phổ thông	24.144.965	17.459.649
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-
- Cổ phiếu phổ thông		-
- Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.144.965	17.459.649
- Cổ phiếu phổ thông	24.144.965	17.459.649
- Cổ phiếu ưu đãi		-

*** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	161.566.894.093	170.012.038.842
- Doanh thu hợp đồng xây dựng và kinh doanh dịch vụ	106.901.996.366	56.988.153.284
- Doanh thu bất động sản	54.664.897.727	113.023.885.558
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	161.566.894.093	170.012.038.842
<i>Trong đó doanh thu với các bên liên quan</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	-	25.045.443.636
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn 3	62.935.231.819	-
2. Giá vốn hàng bán	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hợp đồng xây dựng và kinh doanh dịch vụ	97.527.156.977	53.184.962.384
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản	13.905.171.752	22.898.171.485
Cộng	111.432.328.729	76.083.133.869
3. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.727.130.603	919.705.805
Cộng	1.727.130.603	919.705.805
4. Chi phí tài chính	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	237.808.202	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.761.131.608	-
Cộng	1.998.939.810	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí vật liệu quản lý	183.010.729	222.068.728
- Chi phí nhân viên quản lý	2.878.746.707	4.598.365.141
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.900.798.734	1.799.579.649
- Chi phí khác bằng tiền	3.786.651.095	2.494.897.140
Cộng	8.749.207.265	9.114.910.658

6. Lợi nhuận khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	1.089.435.000	-
- Thu nhập khác	1.089.435.000	-
Chi phí khác	80.091.580	73.103.033
- Thanh lý tài sản	15.370.332	3.980.275
- Các khoản phạt, truy thu thuế	64.721.248	69.122.758
Lợi nhuận khác	1.009.343.420	(73.103.033)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận trước thuế	42.122.892.312	85.660.597.087
Điều chỉnh tăng	730.599.430	735.000.940
- Chi phí không được trừ	730.599.430	735.000.940
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	42.853.491.742	86.395.598.027
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Giảm thuế suất thuế TNDN theo nghị quyết số 116/2020/QH 14 ngày 19/06/2020	30%	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.999.488.844	17.279.119.605
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	102.670.722	65.557.934
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.102.159.566	17.344.677.539

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

8. Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.020.732.746	68.315.919.548
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	36.020.732.746	68.315.919.548
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (CP) (*)	24.144.965	24.144.965
Lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.492</u>	<u>2.829</u>

(*) Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2019 được điều chỉnh do trong năm 2020 Công ty tăng vốn bằng lợi nhuận chưa phân phối năm 2019.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.437.510.895	11.523.579.669
- Chi phí nhân công	14.299.194.707	3.257.449.845
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.989.855.981	3.282.972.400
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.377.569.999	8.194.854.142
- Chi phí khác bằng tiền	74.438.069.128	16.515.192.230
Cộng	<u>227.542.200.710</u>	<u>42.774.048.286</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

(Đơn vị tính: VND)

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty CP Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam - Công ty CP Cơ Điện & Xây dựng Quang Minh - Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn 3	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội là cổ đông góp vốn vào Công ty CP Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam Ông Đặng Văn Tùng là giám đốc Công ty CP Cơ Điện & Xây dựng Quang Minh là anh trai bà Đặng thị Thu Phương Trưởng ban Kiểm soát Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội Ông Nguyễn Minh Hoàn là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn 3 đồng thời là chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội.

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam	Bán hàng hóa	-	25.045.443.636
Công ty Cổ phần Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam	Thu tiền theo hợp đồng	489.435.000	-
Công ty CP Cơ Điện & Xây dựng Quang Minh	Hợp tác kinh doanh	-	20.000.000.000
Công ty CP Cơ Điện & Xây dựng Quang Minh	Hoàn trả hợp tác kinh doanh	20.000.000.000	-
Công ty CP Cơ Điện & Xây dựng Quang Minh	Thu tiền theo hợp đồng	600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn 3	Bán hàng hóa	62.935.231.819	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Đông Văn Hà Nam	Phải thu khách hàng	6.732.793.000	12.355.781.000
Công ty CP Cơ Điện & Xây dựng Quang Minh	Phải thu khác	-	20.000.000.000
Công ty CP Cơ Điện & Xây dựng Quang Minh	Phải trả người bán	-	198.664.551
Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đông Văn 3	Phải thu khách hàng	19.237.110.000	-

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	335.424.000	508.671.600
Thu nhập Ban Giám đốc	408.726.000	699.370.800
Cộng	744.150.000	1.208.042.400

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Tuy nhiên do hoạt động trong năm của Công ty chỉ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Nam nên không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý. Do đó Công ty chỉ trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Xây dựng và kinh doanh khác</u>	<u>Bất động sản</u>	<u>Cộng</u>
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	106.901.996.366	54.664.897.727	161.566.894.093
Khấu hao và chi phí phân bổ	97.527.156.977	13.905.171.752	111.432.328.729
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	9.374.839.389	40.759.725.975	50.134.565.364
Chi phí không phân bổ	-	-	8.749.207.265
Doanh thu tài chính	-	-	1.727.130.603
Chi phí tài chính	-	-	1.998.939.810
Thu nhập khác	-	-	1.089.435.000
Chi phí khác	-	-	80.091.580
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	42.122.892.312
Chi phí thuế	-	-	6.102.159.566
Lợi nhuận sau thuế	-	-	36.020.732.746
TÀI SẢN			
Tài sản bộ phận	91.499.581.639	111.912.303.943	203.411.885.582
Tài sản không phân bổ	-	-	114.111.897.118
Tổng tài sản	91.499.581.639	111.912.303.943	317.523.782.700
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ phải trả bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	35.284.283.803
Tổng nợ phải trả	-	-	35.284.283.803

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên, Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam.

3.1. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	270.754.680	31.350.937.343
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.602.973.762	75.528.245.088
- Đầu tư ngắn hạn	13.000.000.000	24.603.900.000
- Đầu tư dài hạn	8.238.868.392	11.000.000.000
Cộng	83.112.596.834	142.483.082.431
Nợ phải trả tài chính		
- Phải trả người bán và phải trả khác	29.372.746.087	4.823.713.347
Cộng	29.372.746.087	4.823.713.347

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

3.2. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

3.3. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của đóng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

3.3.1. Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3.3.2. Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

3.3.3. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

3.3.4 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2020			
- Phải trả người bán và phải trả khác	29.372.746.087	-	29.372.746.087
Cộng	29.372.746.087	-	29.372.746.087
Tại ngày 01/01/2020			
- Phải trả người bán và phải trả khác	4.823.713.347	-	4.823.713.347
Cộng	4.823.713.347	-	4.823.713.347
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại ngày 31/12/2020			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	270.754.680	-	270.754.680
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.602.973.762	-	61.602.973.762
- Đầu tư ngắn hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000
- Đầu tư dài hạn	-	8.238.868.392	8.238.868.392
Cộng	74.873.728.442	8.238.868.392	83.112.596.834
Tại ngày 01/01/2020			
- Tiền và các khoản tương đương tiền	31.350.937.343	-	31.350.937.343
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	55.528.245.088	20.000.000.000	75.528.245.088
- Đầu tư ngắn hạn	24.603.900.000	-	24.603.900.000
- Đầu tư dài hạn	-	11.000.000.000	11.000.000.000
Cộng	111.483.082.431	31.000.000.000	142.483.082.431

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

5. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào tính đến ngày 31/12/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.



Nguyễn Hồng Thái
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 02 năm 2021

Tạ Ngọc Nhất
Kế toán trưởng

Tạ Ngọc Nhất
Người lập biểu

